TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày 22/4/2024.
V/v "Tranh chấp hợp vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Thế Việt và bà Nguyễn Thị Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện L, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 19/3/2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2024/QĐST-DS ngày 05/4/2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1948 (có mặt)
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1974 (vắng mặt).
   Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản lấy khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng H trình bày:

Ông với vợ chồng ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị L đều là người cùng thôn với nhau. Năm 2018 ông có cho vợ chồng ông Q bà L vay 100 chỉ vàng 9999 là loại vàng nhẫn ông mua ở Cửa hàng vàng bạc Khuyên Sử ở thị trấn Thứa, huyện L. Ngày 18/5/2021 vợ chồng ông Q bà L đã trả cho ông được 20 chỉ vàng 9999 nợ gốc và toàn bộ lãi. 80 chỉ vàng nợ gốc còn lại đôi bên đã thỏa thuận lãi suất 2.000.000 đồng/80 chỉ/tháng và bà L đã viết giấy nhận nợ với ông. Khi cho vay đôi bên chỉ thỏa thuận miệng khi nào trả nợ thì có thể trả bằng vàng hoặc

trả bằng tiền quy đổi theo giá vàng tại cửa hàng vàng tư nhân tại thời điểm trả nợ. Trong thời gian vay vợ chồng ông Q bà L đã trả lãi cho ông đến hết tháng 01/2023 và từ tháng 02/2023 đến nay vợ chồng ông Q bà L không trả lãi cho ông nữa. Ông xác định những lần vợ chồng ông Q bà L trả lãi cho ông thì đôi bên không viết giấy biên nhận, không có người làm chứng. Sau khi ông Q bà L không trả được lãi, ông đã đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Q bà L chỉ khất nợ, nhưng không chịu trả nợ. Tại thời điểm ông khởi kiện thì giá vàng tại cửa hàng tư nhân giá 6.000.000 đồng/01 chỉ vàng 9999 nên ông đã tính quy đổi vàng ra tiền thời điểm đó tương đương với số tiền 480.000.000 đồng để khởi kiện. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng anh Q chị L phải trả ông 80 chỉ vàng 9999 nợ gốc và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền lãi còn lại mà vợ chồng Q L còn nợ ông.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn là ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị L đều thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông bà và ông Nguyễn Đăng H đều là người cùng thôn với nhau. Khoảng năm 2017-2018 vợ chồng ông bà có vay của ông H 100 chỉ vàng 9999, lãi suất 4.000.000 đồng/100 chỉ/tháng. Đôi bên có viết giấy vay nợ, hằng tháng vợ chồng ông bà vẫn trả tiền lãi cho ông H đầy đủ nhưng đôi bên không viết giấy biên nhận trả tiền lãi.

Ngày 18/5/2021 vợ chồng ông bà đã trả nợ ông H 20 chỉ vàng 9999 và do vợ chồng ông bà làm ăn khó khăn nên đôi bên đã thỏa thuận lãi suất đối với 80 chỉ vàng mà vợ chồng ông bà còn nợ lại là 2.000.000 đồng/80 chỉ/tháng. Bà L đã viết giấy vay nợ lại với ông H, còn giấy vay nợ cũ ông H đã hủy bỏ. Kể từ sau ngày 18/5/2021 hằng tháng vợ chồng ông bà vẫn trả tiền lãi cho ông H đầy đủ, nhưng không viết giấy tờ gì L quan đến việc trả lãi và không có ai làm chứng cho việc trả lãi. Ông bà đã trả tiền lãi cho ông H đến khoảng tháng 01/2023 hoặc tháng 02/2023 thì ông bà không trả được tiền lãi cho ông H nữa. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả cho ông H số nợ 80 chỉ vàng 9999 tương đương với số tiền 480.000.000 đồng theo giá vàng thời điểm khởi kiện thì ông bà đồng ý có nghĩa vụ trả số nợ trên cho ông H, nhưng cho ông bà đang khó khăn nên ông bà xin trả nợ dần.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chấp hành đúng quy

định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá, đại diện VKS đề nghị HĐXX, xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 288, 429, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng H.

- Buộc ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ L đới trả cho ông Nguyễn Đăng H 80 chỉ vàng 9999. Tại thời điểm xét xử 80 chỉ vàng 9999 tương đương với số tiền là 604.000.000 đồng.

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Đăng H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị L. Xét thấy ông Q bà L đều nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh B nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thuộc thẩm quyền của Toà án huyện L quy định tại Điều 26, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bị đơn là ông Q bà L đều vắng mặt. Xét thấy, tại phiên tòa mở ngày 05/4/2024, ông Q bà L vắng mặt không lý do nên HĐXX đã ra Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Sau khi Hoãn phiên tòa, Tòa án đã đến gia đình ông Q bà L tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa, thì đại diện gia đình ông Q bà L là bà Trương Thị Điệt cho biết ông Q bà L hiện đi làm ăn không có nhà. Gia đình ông Q bà L cũng không biết hiện nay ông Q bà L đang ở làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Q bà L theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, HĐXX xác định quyền và nghĩa vụ của ông Q bà L đã được đảm bảo; ông Q bà L vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không lý do là ông Q bà L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung giao kết ngày 18/5/2021 giữa ông Nguyễn Đăng H và bà Nguyễn Thị L, HĐXX nhận thấy:

Tại thời điểm giao kết hợp đồng giữa ông H và bà L đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm dân sự và tự nguyện. Nội dung trong hợp đồng vay tài

sản giữa ông H và bà L thì thấy: Ông H cho bà L vay 80 chỉ vàng 9999, lãi suất 2.000.000 đồng/80 chỉ/tháng. Do vậy, HĐXX xác định đây là loại hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi.

Theo quy định của hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn thì người cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Xét thấy, từ tháng 02/2023 ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Q bà L trả nợ, nhưng vợ chồng ông Q bà L chỉ khất nợ nên HĐXX xác định ông H đã báo trước cho vợ chồng ông Q bà L trong một thời gian hợp lý.

Tại hợp đồng vay tài sản ghi ngày 18/5/2021 chỉ có bà L viết giấy nhận nợ, nhưng ông Q bà L đều thừa nhận khoản vay đó là khoản chung của vợ chồng nên HĐXX xác định đây là khoản vay chung của vợ chồng ông Q bà L.

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, ông H chỉ yêu cầu ông Q bà L phải có nghĩa vụ trả ông H toàn bộ số nợ gốc là 80 chỉ vàng 9999. Xét thấy, ông H cho vợ chồng bà L vay 80 chỉ vàng 9999 là loại nhẫn vàng trang sức nên đối tượng giao dịch cho vay vàng giữa ông H và bà L không phạm vào điều cấm của pháp luật; trong hợp đồng đôi bên có thỏa thuận lãi suất là vi phạm vào điều cấm của pháp luật, nhưng ông H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do ông Q bà L vi phạm vào nghĩa vụ thanh toán và chưa trả được toàn bộ số nợ gốc cho ông H. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Q và bà L phải có nghĩa vụ L đới trả cho ông H 80 chỉ vàng 9999 là phù hợp các Điều 288, 429, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự. Xét thấy, tại thời điểm xét xử là ngày 22/4/2024, giá vàng trang sức bán ra tại thị trường tự do là 7.550.000 đồng/chỉ vàng 9999. Như vậy, 80 chỉ vàng 9999 tương đương với số tiền là 604.000.000 đồng.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H nên buộc ông Q và bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 288, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng H.

2. Buộc ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ L đới trả cho ông Nguyễn Đăng H 80 chỉ vàng 9999. Tại thời điểm xét xử 80 chỉ vàng 9999 tương đương với số tiền là 604.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thị L phải chịu 28.160.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Xuân Hà